TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM** Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đăk Hà, ngày 12 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 (Số cũ: 134/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020) giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Yến N, sinh năm: 1996.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 8, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4A, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: A Phạm Đức H, sinh năm: 1990.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 8, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4A, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Yến N và A Phạm Đức H thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Yến N và A Phạm Đức H thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là: Phạm Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2015 và Phạm Trương H Đ, sinh ngày 28/7/2018.

Sau khi ly hôn chị Trương Yến N nuôi cháu Phạm Trương H Đ, sinh ngày 28/7/2018; A Phạm Đức H nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2015.

Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn) là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự pH chịu. Chị Trương Yến N nhận chịu thay án phí cho A Phạm Đức H nên chị N pH chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0004426 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà. Hoàn trả cho chị Trương Yến N 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
-TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Đương sự;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- UBND nơi Đ ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn